

ĐÁNH GIÁ BƯỚC ĐẦU VỀ SỰ ĐA DẠNG CỦA CÁC LOÀI THỰC VẬT Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Hồ Thị Cẩm Giang, Nguyễn Thị Khánh Quỳnh,
Lê Nguyễn Thới Trung, Trần Ngọc Nam,*
Mai Văn Phô**

Lời Tòa soạn: Ngày 23/12/2009, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Quyết định số 2824/QĐ-UBND về việc thành lập Bảo tàng Thiên nhiên Duyên hải miền Trung trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế. Đây là một trong bốn Bảo tàng thiên nhiên cấp khu vực được xây dựng theo “Quy hoạch tổng thể hệ thống Bảo tàng thiên nhiên ở Việt Nam đến năm 2020” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 86/2006/QĐ-TTg ngày 20/4/2006. Ngay sau khi thành lập, Bảo tàng Thiên nhiên Duyên hải miền Trung đã triển khai nhiều hoạt động chuyên môn, trong đó có việc kiểm kê, đánh giá các nguồn tài nguyên thiên nhiên để chuẩn bị cho công tác trưng bày. Kết quả của các hoạt động này sẽ được đăng tải dần trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*. Chúng tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học và bạn đọc gần xa để công tác sưu tập và trưng bày của Bảo tàng Thiên nhiên Duyên hải miền Trung đạt hiệu quả mong muốn.

I. Đặt vấn đề

Thừa Thiên Huế nằm ở vùng Trung Trung Bộ của nước ta, nơi giao nhau của hai miền khí hậu, địa hình phân cắt đa dạng từ vùng biển ở phía đông, qua vùng đồng bằng ven biển với hệ đầm phá lớn nhất Đông Nam Á đến vùng đồi núi phía tây. Chính vì vậy, lãnh thổ Thừa Thiên Huế được chia thành 4 vùng sinh thái phân bố thực vật: núi rừng; gò đồi; đồng bằng duyên hải; gò, đụn cát, đầm phá, biển ven bờ. Chính sự đa dạng, phong phú và điển hình của tự nhiên là lý do tỉnh Thừa Thiên Huế được chọn để xây dựng Bảo tàng Thiên nhiên Duyên hải miền Trung theo “Quy hoạch tổng thể hệ thống Bảo tàng thiên nhiên ở Việt Nam đến năm 2020” theo Quyết định 86/2006/QĐ-TTg ngày 20/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Bảo tàng là một thiết chế văn hóa-khoa học, trong đó chức năng nghiên cứu, trưng bày mẫu vật phục vụ cộng đồng là một chức năng chính. Vì vậy, việc kiểm kê, đánh giá nguồn tài nguyên thiên nhiên khu vực duyên hải miền Trung nói chung, tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng là một trong những nhiệm vụ cấp thiết nhằm trực tiếp phục vụ cho quá trình xây dựng Bảo tàng Thiên nhiên Duyên hải miền Trung. Để từng bước triển khai nhiệm vụ này, trong năm 2011, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế đã thực hiện đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở “Thống kê thành phần loài động, thực vật ở tỉnh Thừa Thiên Huế phục vụ Bảo tàng thiên nhiên”, do PGS, TS Trần Ngọc Nam, Giám đốc Sở KH&CN tỉnh Thừa Thiên Huế chủ trì. Do khuôn khổ có hạn của tạp chí, trong bài này, chúng tôi chỉ trích giới thiệu một phần kết quả của đề tài trên, chủ yếu tập trung vào việc đánh giá sự đa dạng của các loài thực vật ở tỉnh Thừa Thiên Huế.

* Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế.

** Trường Đại học Khoa học Huế.

II. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

1. Đối tượng nghiên cứu

Thành phần loài của khu hệ thực vật phân bố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong đó, hệ thực vật gồm các ngành Rêu, Quyết lá thông, Thông đất, Cỏ thấp bút, Dương xỉ, Hạt trần và Hạt kín là đối tượng nghiên cứu chủ yếu.

2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp kế thừa*: Từ các kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước về hệ thực vật của tỉnh Thừa Thiên Huế, các tạp chí, sách chuyên khảo...

- *Phương pháp chuyên gia*: Tham khảo ý kiến của các chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu.

- *Phương pháp thống kê*: Danh lục thực vật và số liệu được xử lý bằng các công cụ tin học.

3. Phương pháp tiến hành

- Từ những tài liệu về thực vật chúng tôi tiến hành thành lập danh lục thực vật tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở những loài trùng nhau thì ghi không lặp lại, những loài có nhiều tên khoa học thì chỉ lấy tên khoa học thường sử dụng, những tên còn lại thì để trong dấu [].

- Danh lục thực vật được sắp xếp theo hệ thống phân loại của A.L. Takhtajan (1989). Riêng tên chi, họ được điều chỉnh lại theo Brummitt (1992); còn tên loài được tra lại theo *Danh lục các loài thực vật Việt Nam* (3 tập), *Thực vật chí Việt Nam* và cơ sở dữ liệu của Trung tâm Dữ liệu Thực vật Việt Nam.

- Đối với các ngành thực vật, tiến hành sắp xếp theo mức độ tiến hóa từ thấp lên cao. Đồng thời, các họ trong một ngành và các loài trong một họ được sắp xếp theo thứ tự ABC. Cuối cùng, chúng tôi tiến hành đánh giá thành phần loài thực vật tỉnh Thừa Thiên Huế. Trong thời gian tiến hành đề tài, chúng tôi đã liên tục cập nhật bổ sung thêm những loài mới.

III. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Dựa trên kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học đã công bố trong các tài liệu đã nêu ở phần tài liệu tham khảo chính, bước đầu chúng tôi thống kê được 3.539 loài, 283 họ thuộc 7 ngành. Hệ thực vật ở Thừa Thiên Huế được trình bày ở Bảng 1.

Bảng 1. Thống kê thành phần thực vật ở Thừa Thiên Huế.

TT	Ngành		Họ		Loài	
	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Số lượng	%	Số lượng	%
1	Bryophyta	Ngành Rêu	25	8,83	87	2,46
2	Psilotophyta	Ngành Quyết lá thông	1	0,35	1	0,03
3	Lycopodiophyta	Ngành Thông đất	2	0,71	22	0,62
4	Equisetophyta	Ngành Cỏ thấp bút	1	0,35	1	0,03
5	Polypodiophyta	Ngành Dương xỉ	29	10,25	244	6,89
6	Gymnospermae	Ngành Hạt trần	7	2,47	32	0,90
7	Angiospermae	Ngành Hạt kín	218	77,03	3152	89,06
Tổng			283	100	3.539	100

Từ Bảng 1 ta thấy hệ thực vật của Thừa Thiên Huế có 7 ngành, điều này chứng tỏ mức độ đa dạng của khu hệ là khá cao.

1. Đa dạng sinh học các loài Rêu

Theo kết quả thống kê sơ bộ thành phần các loài Rêu ở Thừa Thiên Huế gồm 87 loài, 25 họ thuộc 2 lớp. Trong 25 họ thì họ Lejeuneaceae có số loài phong phú nhất với 20 loài chiếm 22,99%, tiếp theo là họ Sematophyllaceae 9 loài chiếm 10,34%.

Cho đến nay việc nghiên cứu thành phần loài Rêu ở Thừa Thiên Huế vẫn chưa được tiến hành nhiều, có chăng chỉ mới được tiến hành ở Vườn Quốc gia Bạch Mã. Hệ Rêu ở Vườn Quốc gia Bạch Mã bên cạnh những loài bản địa còn có nhiều loài di cư. Dựa trên cơ sở địa lý học thực vật chúng ta có thể nhận thấy khu hệ Rêu của Bạch Mã do các yếu tố địa lý như yếu tố đặc hữu, yếu tố Việt Nam-Nam Trung Quốc, yếu tố Malêzi, yếu tố Ấn Độ-Mã Lai, yếu tố Cổ nhiệt đới, yếu tố Tân nhiệt đới, yếu tố Toàn cầu hợp thành [8]. Bên cạnh đó còn có các loài có vùng phân bố chưa được xác định rõ ràng. Những loài chỉ phân bố ở Việt Nam gồm 11 loài: *Leucoloma crispatum* Tix., *Microdus torrentium* (Ther. et P. de la Varde) Broth., *Barbula scleromitra* Besch., *Schlotheimia purpurascens* Par., *Pterobryopsis subrassiuscula* Par. et Broth., *Homaliodondron crassinervium* Ther., *Acropodium affine* (Broth. et Par.) Broth., *Acropodium microthecium* (Broth. et Broth.) Broth., *Clastobryum cuculligerum* (Lac.) Tix., *Trichosteleum demangei* Thér. et Henry, *Ectropothecium annamense* Thér. Các loài có phân bố rộng, như *Chiloscyphus communis* St., *Homaliodendron flabellatum* (Sm.) Fleisch., *Hyophila involuta* (Hook.) Jaeg... [8].

2. Đa dạng sinh học thực vật bậc cao có mạch

Dựa vào kết quả nghiên cứu của một số nhóm tác giả về đa dạng thực vật bậc cao có mạch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, chúng tôi đã thống kê được 3.452 loài, 258 họ của 6 ngành (Bảng 2) gồm: Psilotophyta, Lycopodiophyta, Equisetophyta, Polypodiophyta, Gymnospermae và Angiospermae.

Bảng 2. Thực vật bậc cao có mạch ở Thừa Thiên Huế.

TT	Ngành		Họ		Loài	
	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Số lượng	%	Số lượng	%
1	Psilotophyta	Ngành Quyết lá thông	1	0,39	1	0,03
2	Lycopodiophyta	Ngành Thông đất	2	0,78	22	0,64
3	Equisetophyta	Ngành Cỏ tháp bút	1	0,39	1	0,03
4	Polypodiophyta	Ngành Dương xỉ	29	11,24	244	7,07
5	Gymnospermae	Ngành Hạt trần	7	2,71	32	0,93
6	Angiospermae	Ngành Hạt kín	218	84,5	3.152	91,31
Tổng			258	100	3.452	100

Sự phân bố thành phần các taxon bậc loài, họ trong các taxon bậc ngành không đều nhau. Cụ thể ta thấy ngành Psilotophyta và ngành Equisetophyta chỉ có 1 họ, 1 loài duy nhất, trong khi đó ngành Angiospermae có đến 218 họ, 3.152 loài.

Sự chênh lệch các taxon không chỉ diễn ra trong các ngành mà còn thể hiện trong cùng một ngành. Đó là sự phân bố các taxon trong 2 lớp của ngành Hạt kín. Lớp Hai lá mầm chiếm một số lượng lớn với 169 họ 2.312 loài. Tỷ lệ số loài của lớp Hai lá mầm so với lớp Một lá mầm là 2,75:1 (tính trung bình cứ 2,75 loài Hai lá mầm thì có 1 loài Một lá mầm).

Bảng 3. Sự chênh lệch các taxon trong ngành Angiospermae.

	Lớp	Họ		Loài	
		Số lượng	%	Số lượng	%
Dicotyledoneae	Lớp Hai lá mầm	169	77,52	2.312	73,35
Monocotyledoneae	Lớp Một lá mầm	49	22,48	840	26,65
Tỷ lệ		3,45 : 1		2,75 : 1	
Tổng		218	100	3.152	100

Xét tính đa dạng loài trong các họ của ngành Hạt kín có thể thấy họ Phong lan (Orchidaceae) là đa dạng nhất với 298 loài, chiếm 9,45% tổng số loài; tiếp đến là họ Cà phê (Rubiaceae) chiếm 5,33%, họ Thầu dầu (Euphorbiaceae) chiếm 5,23%... Mặt khác cũng có những họ rất ít loài (1-2 loài) như: Aponogetonaceae, Asparagaceae, Avicenniaceae, Buchanariaceae, Flagellariaceae, Phormiaceae...

Ngành Thông đất (Lycopodiophyta) chỉ có 22 loài chiếm 0,64% tổng số loài, 2 họ chiếm 0,78% tổng số họ. Ngành Hạt trần (Gymnospermae) có 32 loài thuộc 7 họ. Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta) có 244 loài chiếm 7,07% tổng số loài, 29 họ chiếm 11,24% tổng số họ. Trong 29 họ của ngành Dương xỉ, họ Polypodiaceae có 38 loài chiếm 15,57%, thể hiện sự đa dạng thành phần loài cao nhất trong hệ, tiếp theo là họ Thelypteridaceae có 28 loài chiếm 11,48%. Đặc biệt, số họ có ít loài (1-2 loài) chiếm một tỷ lệ lớn, như Plagiogyriaceae, Parkeriaceae, Osmundaceae... Điều này cho thấy rõ sự đa dạng về taxon họ.

Sở dĩ có sự phân bố không đồng đều các loài trong các họ như vậy là do yếu tố địa lý, dạng sống nhằm tạo nên sự đa dạng cho hệ thực vật Thừa Thiên Huế. Sự đa dạng này còn được thể hiện qua đặc điểm ưu thế sinh thái thuộc về các loài đặc trưng của vùng như Cóc đỏ (*Lumnitzera littorea*) và Cóc hồng (*Lumnitzera rosea*)...

Để đánh giá sự đa dạng và phong phú về thành phần loài thực vật bậc cao có mạch ở Thừa Thiên Huế, chúng tôi tiến hành so sánh với các vùng khác trên cả nước.

Kết quả ở bảng 4 cho thấy tính đa dạng của thành phần loài thực vật ở Thừa Thiên Huế cao hơn hẳn so với các vùng khác. Tất nhiên những số liệu này chỉ mang tính chất tương đối. So với Việt Nam thì thành phần loài của Thừa Thiên Huế không lớn, 3.452 loài so với 11.373 loài, nhưng với phạm vi là một tỉnh thì hệ thực vật Thừa Thiên Huế là khá phong phú và đa dạng. Tuy vậy, trong danh sách họ giàu loài của khu hệ này thiếu một số họ giàu loài của Việt Nam như họ Ô rô (Acanthaceae), họ Hoa môi (Lamiaceae)... Nhưng khi so sánh với Bắc Trung Bộ, hệ thực vật bậc cao có mạch ở đây chiếm gần như đầy đủ tất cả các loài (3.452/4.133). Điều này cho thấy rằng đã có sự tương đồng về mặt địa lý, điều kiện tự nhiên.

Bảng 4. So sánh thành phần loài thực vật bậc cao có mạch ở Thừa Thiên Huế với các vùng khác trên cả nước.

Địa điểm	Thành phần loài			Nguồn tài liệu
	Số ngành	Số họ	Số loài	
Khu vực Bắc Trung Bộ	6	224	4.133	Trung tâm Dữ liệu Thực vật Việt Nam, 2008.
* Thành phố Đà Nẵng:				
- KBTTN Bà Nà-Núi Chúa	4	134	793	Nguyễn Thị Tường Vi, Võ Văn Minh, Nguyễn Văn Khánh, 2010.
- KBTTN Sơn Trà	-	-	985	
- Bà Nà	-	156	1.030	Trung tâm Dữ liệu Thực vật Việt Nam, 2008.
* Tỉnh Quảng Nam:				
- KV hồ Phú Ninh	5	103	369	Nguyễn Đắc Tạo, Phan Thị Thanh Thủy, 2008.
- KV Thủy điện Sông Bung	5	99	415	
- KBTTN Sông Tranh	5	144	854	
* Khu vực Bắc Trung Bộ				
* Một số KV, KBTTN, KBT, VQG ở Bắc Trung Bộ				
- KBTTN Đakrông (Quảng Trị)	4	118	597	Lê Trọng Trãi, Richardson và cs Trung tâm Dữ liệu Thực vật Việt Nam, 2008.
- VQG Phong Nha-Kẻ Bàng (Quảng Bình)	-	174	2.393	
- Vùng đệm VQG Vũ Quang (Hà Tĩnh)	4	79	349	Đỗ Ngọc Đài, Phan Thị Thúy Hà, 2008.
- VQG Pù Mát (Nghệ An)	6	204	2.494	Trung tâm Dữ liệu Thực vật Việt Nam, 2008.
- Vùng phía tây KBTTN Xuân Liên (Thanh Hóa)	5	100	333	Phạm Hồng Ban và cs, 2010.
- VQG Bến En (Thanh Hóa)	5	138	749	Trung tâm Dữ liệu Thực vật Việt Nam, 2008.
* Một số KV, KBTTN, KBT, VQG ở phía bắc				
- KBTTN Hữu Liên (Lạng Sơn)	-	165	1850	Trung tâm Dữ liệu Thực vật Việt Nam, 2008.
- VQG Hoàng Liên (Lào Cai)	-	202	2024	
- VQG Bái Tử Long (Quảng Ninh)	5	135	780	Vũ Xuân Phương, Dương Đức Huyền, Nguyễn Thế Cường, 2007.
- VQG Xuân Sơn (Phú Thọ)	6	180	1.217	Trần Minh Hội, Vũ Xuân Phương, 2006.
- Vùng Thanh Sơn (Hà Nam)	6	173	1.271	Lê Trần Chấn và cs, 2005.
* Một số KV, KBTTN, KBT, VQG ở phía nam và Tây Nguyên				
- VQG Cát Tiên	-	174	1403	Trung tâm Dữ liệu Thực vật Việt Nam, 2008.
* Thừa Thiên Huế	6	258	3.452	Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007.
* Việt Nam	-	-	11.373	

So với một số tỉnh thành ở phía Nam Trung Bộ, giáp cận với Thừa Thiên Huế là Quảng Nam và Đà Nẵng thì thành phần loài ở đây cao hơn hẳn và khác xa. Tuy gần gũi với nhau về mặt địa lý nhưng vì sự chia cắt của đèo Hải

Vân làm cho hệ thực vật khác nhau về thành phần loài. Đây cũng là yếu tố làm thay đổi tính chất của khí hậu giữa hai miền Bắc-Nam của dải Trường Sơn. Điều này cho thấy sự chia cắt về địa hình làm thay đổi khí hậu góp phần rất quan trọng trong việc hình thành hệ thực vật. Bên cạnh đó, hệ thực vật bậc cao có mạch ở Thừa Thiên Huế cũng khác hẳn so với hệ thực vật bậc cao ở một số khu vực, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn, vườn quốc gia ở miền Bắc. Điều kiện tự nhiên, yếu tố địa lý cũng như khí hậu và thủy văn đã góp phần hình thành nên sự khác nhau đó. Chỉ có những loài, họ của vùng nhiệt đới mới có thể là cầu nối cho hệ thực vật Thừa Thiên Huế và phía Bắc mà thôi. Khi so sánh với một số khu vực, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn, vườn quốc gia ở phía Nam và Tây Nguyên, ta cũng thấy sự khác nhau rõ rệt.

IV. Kết luận

- Thành phần loài thực vật ở Thừa Thiên Huế rất đa dạng và phong phú gồm: 3.539 loài, 283 họ thuộc 7 ngành. Trong đó, ngành Rêu gồm 87 loài, 25 họ thuộc 2 lớp; ngành Quyết lá thông và ngành Cỏ tháp bút có 1 loài, 1 họ; ngành Thông đất có 22 loài, 2 họ; ngành Dương xỉ có 244 loài, 29 họ; ngành Hạt trần có 32 loài, 7 họ; ngành Hạt kín có 3.152 loài, 218 họ thuộc 2 lớp.

- Trong 7 ngành thì ngành Hạt kín chiếm ưu thế với 89,06% tổng số loài và 77,03% tổng số họ. Hai ngành Quyết lá thông và Cỏ tháp bút chiếm tỷ lệ thấp dưới 1%, nhưng sự hiện diện của chúng góp phần làm cho hệ thực vật ở Thừa Thiên Huế phong phú và đa dạng hơn.

- Tính đa dạng của các loài thực vật ở tỉnh Thừa Thiên Huế không chỉ thể hiện ở taxon bậc ngành mà còn thể hiện ở các bậc taxon họ, loài.

- Hệ thực vật ở Thừa Thiên Huế có nhiều loài có giá trị làm thuốc, làm lương thực... Bên cạnh đó cũng có những loài được đưa vào *Sách đỏ Việt Nam*, những loài thuộc dạng quý hiếm và có giá trị trong nền kinh tế quốc dân.

HTCG-NTKQ-LNTT-TNN-MVP

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

Tài liệu tiếng Việt

1. Leonid V. Averyanov, và cs (2006). "Đánh giá hệ thực vật vùng cảnh quan Hành lang xanh, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam", Báo cáo số 1: Phần 1. Dự án Hành lang xanh, WWF Greater Mekong & Chương trình Việt Nam và Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ-Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. *Sách đỏ Việt Nam*, Phần II, Thực vật, Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.
3. Phan Thị Thúy Hằng, Nguyễn Nghĩa Thìn, 2008. "Sự đa dạng về nguồn tài nguyên thực vật ở vùng cát thuộc huyện Phong Điền tỉnh Thừa Thiên Huế", tạp chí *Sinh học*, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Hà Nội, tập số 30, số 3, 91-94.
4. Huỳnh Văn Kéo, Trần Thiện Ân, 2011. *Kiểm kê danh lục động thực vật Vườn Quốc gia Bạch Mã*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
5. Mai Văn Phô, 2007. "Danh lục các loài hoa cảnh được trồng trong các di tích triều Nguyễn (1802-1945) còn lưu lại trong sử sách văn thơ", *Bản tin Khoa học và Công nghệ*, Sở KHCN tỉnh Thừa Thiên Huế, số 1-2.
6. Võ Văn Phú (Chủ biên), 2002. *Đa dạng sinh học và phát triển bền vững hệ sinh thái Tam Giang-Cầu Hai, tỉnh Thừa Thiên Huế*, Trường Đại học Khoa học Huế.

7. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, 2005. *Địa chí Thừa Thiên Huế* (Phần Tự nhiên), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Nguyễn Nghĩa Thìn, Mai Văn Phô (chủ biên), 2003. *Đa dạng sinh học hệ nấm và thực vật Vườn Quốc gia Bạch Mã*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
9. Lê trọng Trái, Richardson, W. J., Lê Văn Chấm, Trần Hiếu Minh, Trần Quang Ngọc, Nguyễn Văn Sáng, Monastyrskii, A. L. và Eames, J. C. (1998). "Nghiên cứu khả thi thành lập Khu Bảo tồn thiên nhiên Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế và Đakrông, tỉnh Quảng Trị", Báo cáo bảo tồn số 22, Hà Nội: Tổ chức Bảo tồn Chim quốc tế.
10. Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường ĐHQG Hà Nội, Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia. *Danh lục các loại thực vật Việt Nam* (tập 1,2,3), Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
11. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. "Luận chứng: Khu bảo vệ tự nhiên đất ngập nước đầm phá Tam Giang-Cầu Hai, tỉnh Thừa Thiên Huế", 1998.
12. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. "Luận chứng khoa học kỹ thuật: Xây dựng khu bảo tồn biển Sơn Trà-Hải Vân (tỉnh Thừa Thiên Huế)", 2004.
13. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường. "Báo cáo đề tài: Điều tra đa dạng sinh học vùng Sơn Trà-Bắc Hải Vân (Thừa Thiên Huế)", 2002.
14. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế. "Dự án: Thành lập khu bảo tồn thiên nhiên Sao la tỉnh Thừa Thiên Huế", Huế, 2011.

Tài liệu tiếng nước ngoài

15. Brummitt, R.K., 1992. *Vascular plant families and genera*, Royal Botanic Garden, Kew.

TÓM TẮT

Thực vật Thừa Thiên Huế thuộc khu hệ thực vật nhiệt đới vùng đệm có sự giao lưu từ kỷ Đệ tam của các hệ thực vật phía Bắc và hệ thực vật phía Nam. Do vậy, thành phần thực vật ở đây rất đa dạng và có tính đặc thù rõ rệt. Bước đầu chúng tôi đã thống kê được 3.539 loài, 283 họ thuộc 7 ngành. Trong đó, ngành Hạt kín chiếm ưu thế với 3.152 loài, 218 họ tương ứng 89,06% tổng số loài, 77,03% tổng số họ. Trong khi đó ngành Quyết lá thông và ngành Cỏ thấp bút chiếm tỷ lệ thấp dưới 1%, nhưng sự hiện diện của chúng làm cho hệ thực vật Thừa Thiên Huế phong phú và đa dạng hơn.

Mặc dù số lượng, thành phần loài thực vật rất đa dạng, phong phú và phân bố ở nhiều hệ sinh thái khác nhau: núi rừng, gò đồi, đồng bằng, vùng cát ven biển, nhưng do tác động tiêu cực của các yếu tố tự nhiên và con người mà đa dạng thực vật ở Thừa Thiên Huế bị ảnh hưởng, nhiều loài thực vật trở nên quý hiếm phải đưa vào *Sách đỏ Việt Nam*, thậm chí có nguy cơ tuyệt chủng.

ABSTRACT

INITIAL EVALUATION ON THE DIVERSITY OF FLORA IN THỪA THIÊN HUẾ PROVINCE

Plants of Thừa Thiên Huế belong to tropical flora buffer with the exchange from the Third Period between the northern and southern flora. Therefore, botanical ingredients there are diverse and have distinct characteristics. Initially, we have listed 3539 species, 283 families of 7 phyla. In particular, Angiospermae phylum dominate the quantity with 3152 species, 218 families respective 89.06% of all species, 77.03% of all families. Meanwhile, psilotophyta and Equisetophyta phylum have lower proportion with less than 1%, but their presence makes the flora Huế richer and more diverse.

Although the quantity and composition of plant species are diverse, abundant and distributed in many different ecosystems such as: mountains, hill, plain and coastal sandy areas. But the negative impact of natural factors and human diversity of plants that are affected, many plant species become rare and must be recorded in Vietnam Red Data Book, even risk of extinction.